

Bản án số: 01/2024/ HNGĐ - ST
Ngày 31-12-2024
Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NH, TỈNH QN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Duy.
- Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện NH, tỉnh QN.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh QN tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện NH, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2024/TLST- HNGĐ ngày 13/11/2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16/12/2024 của Toà án nhân dân huyện NH, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị Thùy T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 43, đường Huyền Trân Công Chúa, phường DD, thị xã AN, tỉnh BD.

Bị đơn: **Anh Lê Anh Th**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn XB, xã HT, huyện NH, tỉnh QN.

Chị T, anh Th vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị Thùy T trình bày:*

Chị T và anh Th quen nhau tự nguyện rồi đến với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện NH vào năm 2019. Trong quá trình chung sống có những bất đồng nên cuộc sống không hạnh phúc. Chị T và anh Th đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị T xét thấy

tình cảm với anh Th đã không còn, không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lê Anh Th.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Bùi Minh T, sinh ngày 14/02/2020. Hiện nay con đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ tại bản tự khai anh Lê Anh Th trình bày:*

Anh Th và chị T tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT vào năm 2019. Trong cuộc sống có bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân 02 năm không liên lạc. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh Th đồng ý ly hôn.

-Về con chung: có 01 con chung tên Lê Bùi Minh T, sinh ngày 14/02/2020. Hiện nay con đang ở với chị T. Khi ly hôn anh Th đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con và anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024.

-Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

-Án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH, tỉnh QN phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Thùy T ly hôn anh Lê Anh Th; Về con chung: giao con tên Lê Bùi Minh T, sinh ngày 14/02/2020 cho chị T trực tiếp nuôi con. Ghi nhận việc anh Lê Anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024; Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Bùi Thị Thùy T phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Lê Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Lê Anh Th, anh Th có nơi cư trú ở xã HT, huyện NH, tỉnh QN, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh QN theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T và anh Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện NH, tỉnh QN vào năm 2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện NH, tỉnh QN đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Chị T và anh Th vắng mặt và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th đã không còn hạnh phúc. Chị T và anh Th đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay không có liên lạc. Việc chị Bùi Thị Thùy T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Anh Lê Anh Th có văn bản trình bày đồng ý ly hôn nhưng vì công việc nên chị T và anh Th đều xin vắng mặt tại phiên công khai chứng cứ và không thể hòa giải. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Bùi Thị Thùy T được ly hôn với anh Lê Anh Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung tên Lê Bùi Minh T, sinh ngày 14/02/2020. Hiện nay con đang ở với chị T.

Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Th đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con và anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024.

Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con tên Lê Bùi Minh T, sinh ngày 14/02/2020 cho chị T trực tiếp nuôi con. Ghi nhận việc anh Lê Anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024.

[6] Về tài sản chung: Không có.

[7] Về nợ chung: không có.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NH về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung giữa chị Bùi Thị Thùy T và anh Lê Anh Th là đúng pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Lê Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy

định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thùy T.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Thùy T được ly hôn anh Lê Anh Th.

2. Về con chung:

Giao con tên Lê Bùi Minh T, sinh ngày 14/02/2020 cho chị Bùi Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận việc anh Lê Anh Th tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 12/2024.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004091 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NH, tỉnh QN.

Anh Lê Anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- VKSND huyện NH;
- Chi cục THADS huyện NH;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diệu